

Số: 2241/SNN-PTNT&QLCL

Đồng Nai, ngày 01 tháng 6 năm 2020

V/v đăng tải dự thảo Quyết định ban hành quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại văn bản số 2765/UBND - KTN ngày 18/3/2020 về việc thay thế Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh.

Ngày 10/4/2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Văn bản số 1418/SNN-PTNT&QLCL gửi các Sở, ngành, địa phương, đơn vị góp ý dự thảo Quyết định phân công, phân cấp thực hiện Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh (dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 989/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai) (dự thảo lần 1).

Trên cơ sở góp ý của các Sở, ngành, địa phương, đơn vị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hoàn chỉnh dự thảo Quyết định ban hành quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (phân công, phân cấp thực hiện Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT); đề nghị Văn phòng UBND tỉnh xem xét, đăng tải dự thảo Quyết định (dự thảo lần 2) trên trang thông tin điện tử để lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đính kèm dự thảo Quyết định và các văn bản liên quan).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc và các Phó GD Sở;
- Phòng Tổ chức – Cán bộ Sở;
- Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng NLTS;
- Lưu: VT, PTNT&QLCL, Huyện. 01

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Lâm Sinh

Số: /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ - CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ - CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ - CP;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Công thương Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT- BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định 1964/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số/TTr-SNN ngàytháng.....năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2020. Quyết định này thay thế Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định phân công, phân cấp thực hiện Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018, Thông tư số 17/2018/TT- BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công thương, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố; các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Quản lý Chất lượng NLS&TS;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Công thương, Tài chính, Tư pháp;
- UBND huyện/thành phố;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT-TH (CNN, VX).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH

Quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày / /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (cụ thể là phân công, phân cấp thực hiện Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư số 17/2018/TT- BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan, đơn vị được phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Nông nghiệp và các đơn vị khác có liên quan.
- Các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Sản xuất thực phẩm là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản để tạo ra thực phẩm.

2. Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ là cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác các nguyên liệu thực phẩm ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Cơ sở sơ chế nhỏ lẻ là cơ sở sơ chế thực phẩm ở quy mô hộ gia đình, hộ cá thể có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ là cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản là nơi thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động giới thiệu, dịch vụ bảo quản, dịch vụ vận chuyển hoặc buôn bán thực phẩm nông, lâm, thủy sản, muối.

6. Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm nông, lâm, thủy sản là nơi thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản, sản xuất muối.

7. Thực phẩm bao gói sẵn là thực phẩm được bao gói và ghi nhãn hoàn chỉnh, sẵn sàng để bán trực tiếp cho mục đích chế biến tiếp hoặc sử dụng để ăn ngay.

8. Thẩm định là hoạt động xem xét, thẩm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

Điều 3. Nguyên tắc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

1. Trên cơ sở thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Bảo đảm việc quản lý xuyên suốt toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu thụ sản phẩm thực phẩm và tăng cường sự phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Bảo đảm tất cả các cơ sở đều phải chịu sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước; một cơ sở chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước.

3. Phân cấp quản lý gắn với thực hiện các phương thức quản lý theo quy định; ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

4. Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ

quan quản lý.

5. Đối với cơ sở không thực hiện công đoạn sản xuất nhưng kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên do ngành Công Thương quản lý, trừ trường hợp là chợ đầu mối, đấu giá nông sản.

6. Đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm để thực hiện các thủ tục hành chính.

Điều 4. Quy định chung.

1. Các cơ sở thuộc đối tượng thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm là các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản nêu trong quy định này bao gồm các cơ sở được quy định tại Khoản 1, Điều 2, Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Các cơ sở thuộc đối tượng thực hiện ký cam kết và chịu sự kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết là các cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nêu trong quy định này là các cơ sở được quy định tại Khoản 1, Điều 2, Thông tư số 17/2018/TT- BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP QUẢN LÝ, THẨM ĐỊNH, CHỨNG NHẬN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG LÂM THỦY SẢN ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 5. Phân cấp quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (theo Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018).

Trách nhiệm quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh được phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 6. Phân cấp quản lý đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo Thông tư số 17/2018/TT- BNNPTNT ngày

31/10/2018).

Trách nhiệm quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh được phân cấp cho UBND cấp huyện (trừ các cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh và bán thâm canh được phân cấp cho Chi cục Thủy sản).

Điều 7. Trách nhiệm hướng dẫn UBND cấp huyện triển khai thực hiện Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018.

TT	Đơn vị	Loại hình cơ sở
1	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở sản xuất ban đầu có nguồn gốc thực vật nhỏ lẻ. - Cơ sở sơ chế rau, quả nhỏ lẻ. - Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc thực vật không có địa điểm cố định.
2	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở sản xuất ban đầu có nguồn gốc động vật trên cạn nhỏ lẻ. - Cơ sở sơ chế có nguồn gốc động vật trên cạn nhỏ lẻ. - Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật không có địa điểm cố định.
3	Chi cục Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm thủy sản nhỏ lẻ (trừ các cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh). - Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc thủy sản không có địa điểm cố định (trừ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên)
4	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở sơ chế thực phẩm nông lâm thủy sản nhỏ lẻ. - Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ. - Cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn.

Điều 8. Thăm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

Các cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Điều 5 của Quy định này có trách nhiệm thăm định các cơ sở theo quy định tại Mục 1, Chương II, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 9. Chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Giấy chứng nhận ATTP) là các cơ quan thẩm định quy định tại Điều 5 của Quy định này, theo nguyên tắc cơ quan nào thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thì cơ quan đó cấp Giấy chứng nhận ATTP.

Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận ATTP thực hiện theo quy định tại Điều 17, Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 10. Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (sau đây gọi là Giấy xác nhận kiến thức về ATTP).

Cơ quan cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP là các cơ quan có thẩm quyền nêu tại Điều 9 Quy định này, theo nguyên tắc cơ quan nào cấp Giấy chứng nhận ATTP thì cơ quan đó cấp Giấy xác nhận kiến thức về ATTP.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm; quy trình xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm; quản lý Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Công thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Điều 11. Phương thức quản lý điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

Cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Điều 6 Quy định này có trách nhiệm tổ chức ký cam kết, kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết và xử lý các cơ sở vi phạm cam kết theo quy định tại Chương II, Thông tư số 17/2018/TT- BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương III

NỘI DUNG PHÂN CÔNG

Điều 12. Trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

1. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn việc tổ chức triển khai thực hiện Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 và Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức thẩm định, chứng nhận các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo phân công, phân cấp tại Quy định này.

4. Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho cơ quan thẩm định cấp huyện, cán bộ được giao nhiệm vụ thẩm định.

5. Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi phân công, phân cấp.

6. Phúc kiểm quy trình thực hiện của các cơ quan thẩm định thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo nhiệm vụ được phân công.

7. Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động thống kê, thẩm định, xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi phân công, phân cấp.

8. Hàng năm có trách nhiệm lập Kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện công tác quản lý, thẩm định, chứng nhận các cơ sở sản xuất, kinh doanh được phân công, phân cấp theo Quy định này.

9. Thực hiện báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản) và Ủy ban nhân dân tỉnh theo chế độ báo cáo hiện hành.

Điều 13. Trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1. Phân công trách nhiệm quản lý các cơ sở theo phân công, phân cấp cho các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trực thuộc.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, các tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

3. Tổ chức thẩm định, chứng nhận các cơ sở theo phân công, phân cấp thuộc địa bàn quản lý tại Quy định này.

4. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra việc tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản đối với các cơ sở trên địa bàn cấp huyện.

5. Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi phân công, phân cấp.

6. Lưu trữ có hệ thống các hồ sơ liên quan đến hoạt động thống kê, thẩm định, xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi phân công, phân cấp.

7. Hằng năm, lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện công tác quản lý, thẩm định, chứng nhận các cơ sở sản xuất, kinh doanh được phân công, phân cấp theo Quy định này; báo cáo và đăng ký kế hoạch - dự toán kinh phí về Sở Tài chính theo phân cấp.

8. Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hoặc đột xuất về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản) theo chế độ báo cáo hiện hành.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính.

Thực hiện thẩm định, phê duyệt kinh phí từ nguồn ngân sách hàng năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Y tế, Sở Công thương.

Sở Y tế, Sở Công thương có trách nhiệm tham gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều nhóm ngành hàng thực phẩm nông, lâm, thủy sản theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Công thương căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức bộ máy, nhân sự và đảm bảo điều kiện cần thiết để thực hiện trách nhiệm được phân công, phân cấp theo đúng quy định này và các quy định nhà nước hiện hành liên quan.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm chấp hành đầy đủ các nội dung của quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan về an toàn thực phẩm và chịu sự thẩm định hoặc kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung chưa phù hợp hoặc phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung quy định này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phụ lục:**PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT,
KINH DOANH THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN***(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày/...../2020**của UBND tỉnh Đồng Nai)*

STT	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ VÀ LOẠI HÌNH CƠ SỞ	CĂN CỨ
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chịu trách nhiệm quản lý đối với các cơ sở có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do UBND cấp tỉnh cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch - Đầu tư cấp, Giấy chứng nhận Đầu tư do Ban Quản lý các khu công nghiệp cấp)	
1.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	
1.1	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 1.2
1.2	Cơ sở giết mổ động vật tập trung	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.1
1.3	Cơ sở thu gom, chế biến mật ong	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.2
1.4	Cơ sở sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản sản phẩm động vật trên cạn gắn với cơ sở giết mổ động vật tập trung	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III - BB 2.2, BB 2.3
2.	Chi cục Thủy sản	
2.1	Cơ sở nuôi trồng thủy sản	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 1.3
2.2	Tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên)	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 1.4
2.3	Cảng cá	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 1.5
3.	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Thủy lợi	
3.1	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 1.1

3.2	Cơ sở sơ chế rau, củ, quả gắn liền với cơ sở trồng trọt	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 2.2
4.	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	
4.1	Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 1.6
4.2	Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.2
4.3	Kho lạnh bảo quản nhiều loại thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.3
4.4	Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.4
4.5	Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.5
4.6	Cơ sở sản xuất chế biến muối, muối i-ốt	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.6
4.7	Cơ sở kinh doanh muối, muối i-ốt	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.7
II	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chịu trách nhiệm quản lý các cơ sở có hoặc không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận kinh tế trang trại do UBND cấp huyện cấp.	
1.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Chịu trách nhiệm quản lý các cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận kinh tế trang trại do UBND cấp huyện cấp).	
1.1	Cơ sở giết mổ động vật tập trung	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.1
1.2	Cơ sở chế biến sản phẩm động vật trên cạn gắn với cơ sở giết mổ động vật tập trung	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 2.2
1.3	Cơ sở sơ chế, kho lạnh bảo quản sản phẩm động vật trên cạn gắn với cơ sở giết mổ động vật tập trung	Thông tư 17/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục I
2	Chi cục Thủy sản (Chịu trách nhiệm quản lý các cơ sở không có hoặc có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận kinh tế trang trại do UBND cấp huyện cấp).	

2.1	Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ đối với nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh	Thông tư 17/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục I
III	UBND cấp huyện: Chịu trách nhiệm quản lý các cơ sở không có hoặc có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận kinh tế trang trại do UBND cấp huyện cấp.	
1	Cơ sở thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT	
1.1	Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 1.6
1.2	Cơ sở chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản (không bao gồm cơ sở chế biến sản phẩm động vật trên cạn gắn với cơ sở giết mổ động vật tập trung)	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục II – BB 2.2
1.3	Cơ sở chế biến muối, muối i-ốt	Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục III – BB 2.6
2	Cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018	
2.1	Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ	Thông tư 17/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục I
2.2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định, trừ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên	Thông tư 17/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục I
2.3	Cơ sở sơ chế nhỏ lẻ	Thông tư 17/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục I
2.4	Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ	Thông tư 17/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục I
2.5	Cơ sở kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn	Thông tư 17/2018/TT- BNNPTNT Phụ lục I

Số: /TTr-SNN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định ban hành Quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định ban hành Quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật an toàn thực phẩm.

Ngày 25 tháng 12 năm 2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2019 thay thế Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Trong đó, tại Khoản 1, Điều 19 của Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 quy định: “Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm quy định cơ quan thẩm định nêu tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 17/2018/TT- BNNPTNT Quy định phương thức quản lý

Đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

ĐT: (0251)3823786, Fax: (0251)3827393.

điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 thay thế Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ. Trong đó, tại Khoản 1, Điều 7 của Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 quy định: “ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phân công, phân cấp cơ quan quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm”.

Do đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Quyết định ban hành Quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết và đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích:

Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về công tác quản lý an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

2. Quan điểm chỉ đạo:

- Đảm bảo đúng quy định của Luật an toàn thực phẩm, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm và các văn bản khác của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Thực hiện đúng hình thức, trình tự, thủ tục, xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Sở Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện trình tự, thủ tục ban hành Quyết định như sau:

- Ngày 19/02/2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Văn bản số 548/SNN-PTNT&QLCL về việc đề xuất thay thế Quyết định 989/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Quy định phân công, phân cấp thực hiện Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT và Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 18/3/2020, UBND tỉnh có văn bản số 2765/UBND - KTN về việc thay thế Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh.

- Sau khi được UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương đề xuất, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định 989/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Quy định phân công, phân cấp thực hiện Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT và Thông tư số 17/2018/TT- BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Sở Nông nghiệp và PTNT đã hoàn thiện dự thảo (Quyết định, Quy định, Tờ trình) lấy ý kiến của các sở/ngành, địa phương, đơn vị; đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý của các cá nhân, tổ chức và kết quả lấy ý kiến như sau:

1. Kết quả lấy ý kiến góp ý dự thảo Tờ trình, Quyết định, Quy định:

a) Có đơn vị góp ý bằng văn bản. Trong đó, có đơn vị thống nhất hoàn toàn với dự thảo.

b) Có ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2. Thẩm định văn bản:

- Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến của các cơ quan, đơn vị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu bổ sung, chỉnh sửa, giải trình và hoàn chỉnh dự thảo Quyết định (*Đính kèm Báo cáo tổng hợp*).

- Ngày tháng năm 2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Công văn số..... gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định.

- Ngày....., Sở Tư pháp có văn bản số về thẩm định dự thảo Quyết định ban hành quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Theo đó, Sở Tư pháp có các kiến nghị.....

Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Tư Pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu bổ sung, chỉnh sửa và hoàn chỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt dự thảo Quyết định ban hành quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục:

Dự thảo Quy định gồm 4 Chương 16 Điều được bố cục như sau:

- Chương I: Quy định chung.

- Chương II: Nội dung phân cấp quản lý, thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Chương III: Nội dung phân công.

- Chương IV: Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản:

a) Quy định chung (Chương I).

- Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*cụ thể là phân công, phân cấp thực hiện Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư số 17/2018/TT- BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố (*sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện*).

- Đối tượng áp dụng:

+ Các cơ quan, đơn vị được phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Nông nghiệp và các đơn vị khác có liên quan.

+ Các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Nội dung phân cấp quản lý, thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Chương II):

- Phân cấp quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (*theo Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018*).

- Phân cấp quản lý đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (*theo Thông tư số 17/2018/TT- BNNPTNT ngày 31/10/2018*).

- Thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

- Chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (sau đây gọi là Giấy xác nhận kiến thức về ATTP).

- Phương thức quản lý điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất,

kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

d) Nội dung phân công (Chương III).

Hồ sơ gửi kèm gồm:

1) *Văn bản số 2765/UBND – KTN ngày 18/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thay thế Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh.*

2) *Dự thảo Quyết định ban hành quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.*

3) *Phụ lục báo cáo giải trình thu ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan đối với dự thảo Quyết định ban hành quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Kèm theo văn bản góp ý của các sở, ngành, địa phương và các đơn vị).*

4) *Báo cáo số.... ngày..... của Sở Tư pháp về thẩm định Quyết định ban hành quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.*

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định ban hành quy định về việc phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Các phòng: KHTC, TCCB Sở;
- Chi cục PTNT&QLCLNLTS;
- Lưu: VT, PTNT&QLCL, Huyện.

GIÁM ĐỐC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2765 /UBND-KTN

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2020

V/v thay thế Quyết định số
989/QĐ-UBND ngày 04/4/2019
của UBND tỉnh Đồng Nai.

Kính gửi:

- Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

Qua xem xét Báo cáo, đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 548/SNN-QLCL&PTNT ngày 19/02/2020 về việc đề xuất thay thế Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Quy định phân công, phân cấp thực hiện Thông tư số 38/2018/TT_BNNPTNT và Thông tư số 17/2018/TT_BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*File điện tử đính kèm*); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương đề xuất, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 về Quy định phân công, phân cấp thực hiện Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018, Thông tư số 17/2018/TT- BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Trong thời gian chưa có Quyết định thay thế Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 04/4/2019, tiếp tục thực hiện các nội dung của Quyết định 989/QĐ-UBND theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (Đ/c Chánh);
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KTN);
- Lưu: VT, KTN.
(*Khoa.Kim/thaytheqd989*)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ủy ban nhân dân
tỉnh Đồng Nai
Ngày ký: 18-03-2020

Võ Văn Chánh

Số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa.
Điện thoại: (0251) 3822501 - Fax : (0251).3823854 - 3824934.